

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1496**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **23** tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Trà Xuân,
huyện Trà Bồng và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng;

Theo đề nghị của UBND huyện Trà Bồng tại Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 14/11/2022 và Công văn số 3334/UBND-KTHT ngày 14/11/2022; đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 206/BC-SXD ngày 14/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng.

2. Quy mô, phạm vi nghiên cứu quy hoạch

Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng 592,84ha; bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng, với giới cận như sau:

- Phía Đông: Giáp xã Trà Phú;
- Phía Tây: Giáp xã Trà Sơn;
- Phía Nam: Giáp xã Trà Sơn;
- Phía Bắc: Giáp xã Trà Thủy.

3. Tính chất

Là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của huyện Trà Bồng. Là đầu mối giao thông quan trọng của huyện, kết nối các khu vực trong huyện và huyện Trà Bồng với các vùng khác.

4. Dự báo quy mô dân số:

- Đến năm 2030: Dân số khoảng 10.000 người.
- Đến năm 2035: Dân số khoảng 11.500 người.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khu vực quy hoạch được đề xuất trên cơ sở Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, có hướng đến các chỉ tiêu của đô thị loại IV, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Đất dân dụng	m²/người	≤100
	Đất đơn vị ở	m ² /người	≥15
	Công trình dịch vụ - công cộng		≥3
	Đất cây xanh	m ² /người	≥5
	Đất giao thông	Km/km ²	6,5-8,0
II	Hạ tầng xã hội thiết yếu cấp đô thị		
1	Giáo dục		
	- Trường trung học phổ thông (cấp đô thị)	hs/1000dân	≥40
		m ² /hs	≥10
2	Y tế	Giường/1000 người	4
		m ² /giường	100
3	Trung tâm văn hóa - thể thao	m ² /người	0,8
		ha/công trình	3
4	Chợ	ha/công trình	1
5	Các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu khác	Đảm bảo đáp ứng quy định QCVN01:2021/BXD	

III	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Giao thông		
	Tỷ lệ đất giao thông/diện tích đất xây dựng đô thị (cấp đường khu vực)	%	≥13
2	Chỉ tiêu cấp nước		
	- Sinh hoạt	lít/người- ng.đêm	≥80 (≥100 dài hạn)
3	Chỉ tiêu cấp điện		
	- Sinh hoạt	KWh/ng.năm	≥400 (≥1000 dài hạn)
	- Công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	30
4	Lượng nước thải		
	- Sinh hoạt (tỷ lệ nước cấp)	%	≥80
5	Lượng rác thải	kg/người/ngày	0,9 (tỷ lệ thu gom ≥90%)
6	Nghĩa trang	ha/1000 dân	≥0,04

6. Quy hoạch sử dụng đất

Quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch khoảng 592,84 ha; Trong đó, các chức năng sử dụng đất được phân bổ như sau:

- Đất xây dựng: khoảng 272,58 ha; Trong đó, đất dân dụng khoảng 154,88 ha, đất ngoài dân dụng khoảng 117,70 ha.

- Đất khác (gồm: đất dự trữ phát triển, đất mặt nước và đất nông nghiệp): khoảng 320,26 ha.

Bảng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2035

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích quy hoạch	592,84	
I	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị	272,58	100,0
1	Đất dân dụng	154,88	56,8
1.1	Đất các đơn vị ở	73,14	26,8
	- Đất nhóm ở	68,74	
	+ Đất nhóm ở hiện trạng	45,48	
	+ Đất nhóm ở mới	23,26	
	- Đất dịch vụ - công cộng cấp ĐVO	4,40	1,6
	+ Đất trường học MN, TH, THCS	2,33	

	+ Đất y tế	0,39	
	+ Đất văn hóa thể dục thể thao	0,86	
	+ Đất dịch vụ - công cộng khác	0,82	
1.2	Đất dịch vụ công cộng đô thị	11,57	4,2
	- Đất trường THPT	2,41	
	- Đất công trình dịch vụ công cộng đô thị	9,16	
1.3	Đất cây xanh - quảng trường đô thị	11,62	4,3
1.4	Đất giao thông	51,43	18,9
1.5	Đất bãi đỗ xe	2,88	1,1
1.6	Đất hỗn hợp	4,24	1,6
2	Đất ngoài dân dụng	117,70	43,2
2.1	Đất cụm công nghiệp	10,00	3,7
2.2	Đất cơ quan, tổ chức sự nghiệp	7,77	2,9
2.3	Đất trung tâm y tế	1,04	0,4
2.4	Đất trung tâm TDTT	3,23	1,2
2.5	Đất cây xanh cách ly	0,96	0,4
2.6	Đất văn hóa cấp huyện	7,46	2,7
2.7	Đất tôn giáo, di tích	2,48	0,9
2.8	Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	4,55	1,7
2.9	Đất cây xanh cảnh quan	42,84	15,7
2.10	An ninh quốc phòng	20,68	7,6
2.11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1,28	0,5
2.12	Giao thông đối ngoại	15,41	5,7
II	Đất khác	320,26	54,0
1	Đất dự trữ phát triển	11,88	2,0
2	Đất mặt nước (sông, suối, kênh ...)	61,81	10,4
3	Đất nông nghiệp	246,57	41,6

Cơ cấu sử dụng đất quy hoạch nêu trên nhằm phục vụ công tác quản lý, triển khai các quy hoạch chi tiết và thu hút, đăng ký đầu tư vào khu vực thị trấn. Diện tích sử dụng đất cụ thể được thực hiện theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất do cấp thẩm quyền phân bổ.

7. Định hướng phát triển không gian đô thị

- Khu đô thị trung tâm: Là khu vực tập trung các công trình chính trị - hành chính của huyện và thị trấn, trung tâm y tế chất lượng cao, trung tâm giáo dục, trung tâm văn hóa, trung tâm thương mại - dịch vụ, công cộng, công viên, kết hợp với các khu ở hiện trạng và xây dựng mới.

- Khu đô thị phía Đông: Là đầu mối về giao thông, thương mại dịch vụ, cụm công nghiệp, khu ở hiện trạng chỉnh trang và xây dựng mới.

- Khu đô thị phía Tây: Là khu ở hiện trạng chỉnh trang và xây dựng mới, là điểm đến tham quan, tìm hiểu di tích văn hóa lịch sử địa phương.

8. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

a1) Giải pháp san nền

- Đối với các khu dân cư hiện trạng đã tương đối ổn định, khi xây dựng xen ghép, bổ sung thêm công trình hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cũ cần khống chế cao độ nền, trên cơ sở đảm bảo hài hòa với khu vực xung quanh và khu vực xây dựng mới, không ảnh hưởng bất lợi tới các hướng tuyến thoát nước chung của khu vực.

- Đối với các khu vực xây mới, khu vực ven sông suối, cần đắp đất tôn nền đảm bảo khu vực quy hoạch không bị ngập lụt với tần suất lũ 10%.

a2) Giải pháp thoát nước mưa

- Định hướng xây dựng mới hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải riêng. Chia làm nhiều lưu vực nhỏ phù hợp với lưu vực thoát nước tự nhiên:

+ Lưu vực ở phía Tây thị trấn Trà Xuân: Hướng thoát chính thoát về sông Trà Bồng và suối Nang.

+ Lưu vực trung tâm thị trấn: Hướng thoát chính thoát về suối Bồi, suối Đá và đổ vào sông Trà Bồng.

+ Lưu vực phía Đông thị trấn: Hướng thoát chính thoát về sông Trà Bồng.

- Hệ thống các tuyến thoát nước chính dùng cống hộp B1500÷B3000, cống tròn Ø1000÷Ø1500, các tuyến nhánh dùng cống tròn Ø600÷Ø800.

a3) Giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác

Khai thông, nạo vét, cải tạo, gia cố, chỉnh dòng cho các tuyến thoát nước hử đô thị. Xây dựng đê, kè, tường chắn, khoanh vùng bảo vệ, có giải pháp tái định cư và di dời dân đối với khu vực có nguy cơ sạt lở, ngập lụt hoặc rủi ro khác.

b) Định hướng phát triển hệ thống giao thông

b1) Giao thông đối ngoại

- Quốc lộ 24C: Đoạn qua thị trấn Trà Xuân có chiều dài khoảng 3,0 km, đóng vai trò là trục giao thông đối ngoại quan trọng của đô thị. Quy hoạch với mặt cắt đường có bề rộng nền $B_n=(16,5-17,5)m$, bề rộng mặt $B_m=10,5m$.

- Đường tỉnh ĐT.622B: Đoạn qua thị trấn Trà Xuân có chiều dài khoảng 4,3 km, đóng vai trò là trục giao thông chính của đô thị. Quy hoạch với mặt cắt đường có bề rộng nền $B_n=(16,5-26,0)m$, bề rộng mặt $B_m=(10,5-16,0)m$.

b2) Giao thông đối nội

- Đường chính đô thị, đường liên khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến này với lộ giới từ (13,5-26,0)m nhằm kết nối các khu chức năng chính, tạo cảnh quan cho đô thị.

- Đường khu vực, đường hiện trạng: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến này với lộ giới từ (11,5-17,5)m.

b3) Bến xe - bãi đỗ xe

- Quy hoạch xây dựng 01 bến - bãi đỗ xe chính của đô thị, bố trí phía Đông thị trấn với diện tích khoảng 02 ha.

- Bố trí các bãi đỗ xe phân tán tại các khu vực trong thị trấn đảm bảo chỉ tiêu diện tích $\geq 2,5m^2/người$.

c) Định hướng cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước: Giai đoạn đến năm 2030 khoảng $1.700m^3/ng.đ$; giai đoạn đến năm 2035 khoảng $2.350m^3/ng.đ$.

- Nguồn nước: Sử dụng kết hợp từ nguồn nước mặt thủy điện Cà Tinh 1, 2; nước mặt sông, suối và hồ trong khu vực.

- Công trình đầu mối: Cải tạo nhà máy nước Trà Xuân công suất $400m^3/ngày.đêm$. Kết hợp xây dựng mới nhà máy nước tại xã Trà Lâm, công suất $7.300m^3/ngày.đêm$.

d) Định hướng cấp điện

d1) Tổng nhu cầu cấp điện: Giai đoạn đến năm 2030 khoảng 3.500 kVA; giai đoạn đến năm 2035 khoảng 6.100 kVA.

d2) Nguồn điện và lưới điện

- Nguồn điện 110KV: Xây dựng mới trạm 110kV Trà Bông thay thế cho trạm 35kV.

- Lưới điện 22kV: Định hướng lưới điện đi ngầm đảm bảo mỹ quan đô thị. Đối với khu vực lưới điện hiện trạng, từng bước hạ ngầm đường dây hiện trạng khi đầu tư nâng cấp các trục giao thông. Đối với các trục đường chính, định hướng đi ngầm trong các hào kỹ thuật.

- Trạm biến áp phân phối 22KV: Cải tạo, nâng cấp trạm biến áp hiện trạng và xây mới bổ sung các trạm biến áp với gam máy từ 100 KVA đến 630 KVA đảm bảo nhu cầu cấp điện cho đô thị.

- Chiếu sáng đô thị:

+ Những tuyến đường chính có dải phân cách ở giữa bố trí đèn chiếu sáng đôi trên dải phân cách.

+ Những tuyến đường chính có mặt cắt lòng đường $\geq 10,5\text{m}$ bố trí đèn chiếu sáng hai bên đường; đường nhánh có mặt cắt lòng đường $< 10,5\text{m}$ bố trí đèn chiếu sáng một bên đường.

đ) Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

đ1) Quy hoạch thoát nước thải

Tổng khối lượng nước thải sinh hoạt của khu vực quy hoạch đến năm 2030 khoảng $960\text{m}^3/\text{ng.đ}$ và đến năm 2035 khoảng $1.400\text{m}^3/\text{ng.đ}$, được thu gom bằng các đường cống tự chảy D300 - D600 và các trạm bơm chuyển tiếp dẫn nước thải về trạm xử lý tập trung. Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải với tổng công suất $1.500\text{ m}^3/\text{ng.đ}$.

đ2) Quy hoạch chất thải rắn

- Trong khu vực thị trấn không quy hoạch khu xử lý chất thải rắn, từng bước đóng cửa khu xử lý hiện trạng trong khu vực lập quy hoạch, kết hợp trồng cây xanh cảnh quan để cải thiện môi trường trong khu vực.

- Chất thải rắn sinh hoạt của thị trấn được thu gom và vận chuyển về khu xử lý CTR của huyện Trà Bồng, với quy mô khoảng 15 ha.

đ3) Quy hoạch nghĩa trang

- Khu vực lập quy hoạch không bố trí nghĩa trang nhân dân. Khu vực thị trấn sẽ sử dụng nghĩa trang tập trung Phú Xuân tại xã Trà Phú đến năm 2040 có quy mô khoảng 5,0 ha.

- Từng bước khoanh vùng, đóng cửa các nghĩa địa nhỏ lẻ trong địa bàn thị trấn không đảm bảo khoảng cách ly an toàn môi trường. Di dời các khu vực mồ mã nằm rải rác trên địa bàn toàn thị trấn về nghĩa trang tập trung.

e) Định hướng thông tin liên lạc

e1) Mạng ngoại vi

- Từng bước ngầm hóa mạng lưới thông tin liên lạc tại khu vực quy hoạch, các khu vực xây dựng mới quy hoạch đi ngầm đồng bộ hệ thống thông tin và hạ tầng kỹ thuật.

e2) Mạng di động

- Phát triển mạng thu phát sóng thông tin di động; các trạm thu phát sóng thông tin di động đảm bảo cảnh quan kiến trúc, đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn chất lượng, không gây ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe cộng đồng.

g) Giải pháp bảo vệ môi trường chiến lược

g1) Mục tiêu tổng thể

- Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước mặt các sông, hồ và môi trường đất, không khí đặc biệt tại các khu vực dự kiến xả thải, khu du lịch, các điểm tập trung CTR...

- Cải thiện và sử dụng bền vững tài nguyên đất, xây dựng theo điều kiện địa hình tự nhiên, hạn chế đào đắp. Có phương án sử dụng đất thích hợp cho từng khu vực.

- Xây dựng khu xử lý nước thải, phương án thu gom chất thải thích hợp cho từng khu vực.

- Giảm thiểu tai biến môi trường. Hạn chế ảnh hưởng của hiện tượng úng ngập cục bộ do hệ thống tiêu thoát không đảm bảo. Có biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, sạt lở đất.

- Bảo vệ cảnh quan môi trường, kết nối hệ thống mặt nước. Bảo vệ các điểm di tích, các khu có tiềm năng khai thác du lịch, các thảm thực vật. Bảo vệ phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh, mặt nước trong đô thị và diện tích nông nghiệp khu vực nông thôn.

- Đảm bảo nâng cao điều kiện xã hội, chất lượng cuộc sống dân cư hiện trạng.

g2) Về giảm thiểu tác động tới chất lượng môi trường không khí

- Trồng các hành lang cây xanh với nhiều dải cây xanh nhằm giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn dọc các trục giao thông chính;

- Tăng cường mật độ cây xanh ở những nơi còn đất trống để đạt diện tích cây xanh lớn nhất trong đô thị để cải thiện điều kiện vi khí hậu: Tổ chức không gian cây xanh và các không gian mở trong đô thị, tổ chức không gian cây xanh đường phố, khu nhà ở, các vườn hoa nhỏ, công viên...;

- Tại các trục đường giao thông chính, nền đường nên thường xuyên được quét dọn và phun nước chống bụi.

g3) Về giảm thiểu tác động đến môi trường nước

- Cải tạo sông hồ, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, sử dụng công nghệ xử lý nước thải phù hợp theo quy mô và tính chất của đô thị;

- Không đổ chất thải xuống các dòng chảy, xả thải bừa bãi trên các khu vực sông suối;

- Không được bố trí, xây dựng các công trình có nguy cơ gây ô nhiễm nước gần khu vực nguồn nước.

g4) Về biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường đất

- Các khu xử lý, trung chuyển nước thải và rác thải phải có hệ thống chống thấm tốt để tránh gây ô nhiễm đất và nước ngầm;

- Chất thải rắn trong sinh hoạt của người dân phải được thu gom, phân

loại và chuyển đến vị trí đổ thải theo quy định, không vớt bừa bãi, lung tung tại các khu vực đất trống.

g5) Giải pháp về quản lý

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường trong đô thị đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật;
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường tại khu vực;
- Giám sát hiệu quả của các công trình xử lý ô nhiễm, phát hiện các nguyên nhân gây biến động môi trường và xây dựng các giải pháp khống chế hữu hiệu.

g6) Chương trình quan trắc, giám sát môi trường

- Quan trắc môi trường không khí tại các nút giao thông và trên các tuyến giao thông chính của khu vực, quan trắc môi trường không khí ở khu dân cư tập trung để nhận biết sớm sự gia tăng của các chất gây ô nhiễm nhằm có biện pháp giảm thiểu;
- Tiến hành quan trắc môi trường nước sông trong khu vực tại nguồn tiếp nhận xả thải, môi trường nước ngầm tại khu vực dân cư đông đúc nhằm theo dõi sự ô nhiễm môi trường nước theo thời gian;
- Quan trắc môi trường đất tại khu vực dân cư đông đúc, khu vực xử lý nước thải, bãi tập kết rác;
- Lấy mẫu nước thải sinh hoạt, nước thải y tế trước và sau khi xử lý để theo dõi, từ đó có thể thay đổi công nghệ xử lý, quy mô khu xử lý phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường;
- Giám sát quá trình thu gom và xử lý chất thải rắn để biết được sự thay đổi về khối lượng, thành phần các loại chất thải rắn, qua đó có biện pháp xử lý phù hợp, hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

h) Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

h1) Các dự án ưu tiên đầu tư

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung của đô thị, kè sông, các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu về văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, công viên cây xanh - quảng trường, thương mại, du lịch.
- Đầu tư, phát triển các khu dân cư mới trong đô thị theo quy hoạch chung được duyệt.

h2) Nguồn lực đầu tư

- Ưu tiên sử dụng vốn ngân sách thực hiện các chương trình, dự án xây dựng cơ bản, các dự án trọng điểm kết cấu hạ tầng, các chương trình, dự án tạo động lực phát triển.

- Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án thuộc Chương trình kết cấu hạ tầng sử dụng nguồn vốn ODA, vốn doanh nghiệp, tham gia đầu tư các dự án du lịch, nghỉ dưỡng, khu đô thị, thương mại - dịch vụ...

Điều 2. Phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng, gồm: 02 Chương, 11 Điều.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch và kiến trúc đô thị theo thẩm quyền.

2. UBND huyện Trà Bồng chịu trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai, cắm mốc giới quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và Nhân dân trong vùng quy hoạch biết, thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát các đồ án quy hoạch và các dự án có liên quan để có giải pháp điều chỉnh kịp thời, đảm bảo phù hợp với đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung được duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng, Chủ tịch UBND thị trấn Trà Xuân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 1255).



Đặng Văn Minh